


せいど

④ いろいろな 制度

Các chế độ khác nhau



* 4-1


これから、通訳、PTA活動、子どもの安全と健康を守るためのいろいろな制度のことをお話します。

Chúng tôi xin nói chuyện về việc thông dịch, hoạt động của hội PTA (hội phụ huynh và giáo viên), các chế độ để bảo vệ an toàn và sức khỏe cho trẻ em.

つう やく
通訳 thông dịch

か てい ほうもん こじん めんだん
 家庭訪問、個人面談で

に ほん ご はな
 日本語がよく話せないとき...



つう やく き
 通訳に 来て もらえることが あります。

* 4-2

まず 通訳のことです。

家庭訪問や個人面談、また、そのほかの、子どもの教育のことについて、日本語があまりできなくて、学校の先生とよく話せないときは、学校によっては通訳に来てもらえることがあります。

Trước hết, xin nói về vấn đề thông dịch.

Khi giáo viên đến thăm gia đình học sinh hoặc khi có họp mặt cá nhân, hoặc khi cần nói chuyện về vấn đề giáo dục của học sinh, nếu phụ huynh không hiểu tiếng Nhật lắm, hoặc không thể nói chuyện rõ ràng với giáo viên, thì tùy từng trường mà cũng có nơi có người đến thông dịch giúp mình.



* 4-3

まず、学校の先生に、通訳が必要だということを伝え、通訳に来てもらえるかどうか聞いてください。

Trước tiên, xin hãy truyền đạt cho giáo viên của nhà trường biết là mình cần thông dịch, và hãy hỏi xem có ai đến thông dịch giúp mình không.

ぴーていーえー
P T A (hội phụ huynh và giáo viên)

Parent -Teacher Association

ほごしゃ 先生 だんたい
保護者 先生 団体

こ
子どものために
 ほごしゃ ほうしかつどう
保護者が いろいろな 奉仕活動をします。

* 4-4

次に、PTAのことを、話します。

PTAのPは保護者、Tは先生、Aはみんなで集まる団体という意味です。

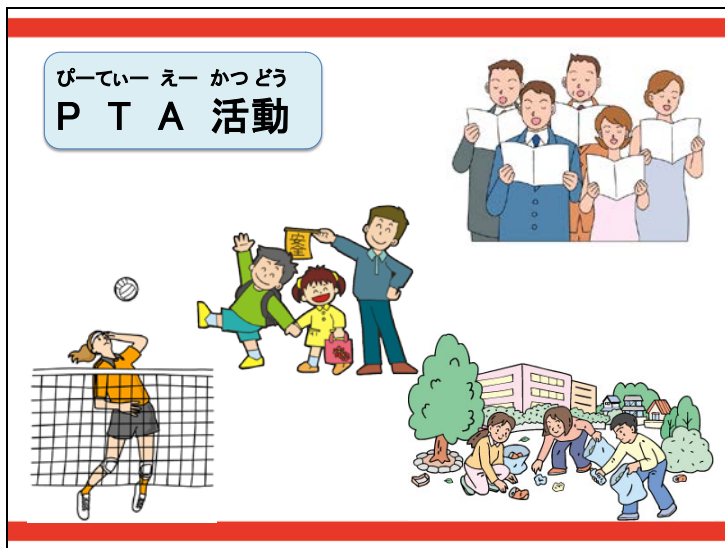
Kể tiếp, xin nói về PTA.

PTA : P có nghĩa là phụ huynh (Parent), T có nghĩa là giáo viên (Teacher), và A có nghĩa là hội hoặc đoàn thể (Association).

* 4-5

子どもが学校に入ると、保護者は、PTAの会員になります。PTAでは、保護者が交代で、子どものためにいろいろな奉仕活動を行います。

Nếu con nhập học vào trường thì phụ huynh trở thành hội viên của PTA. Trong PTA, các phụ huynh sẽ thay phiên nhau làm những hoạt động tình nguyện vì trẻ em.



* 4-6

たとえば、子どもが朝、安全に学校へ行けるように、車が多い道路で、子どもたちを見守ったりします。

みんなで歌を歌ったり、スポーツをしたりすることもあります。また、学校の掃除をすることもあります。

PTAから、いろいろなお知らせの紙が来ますので、注意してください。

Ví dụ như để trẻ em buổi sáng đi đến trường được an toàn, phụ huynh đứng canh cho các em ở những con đường đông xe cộ.

Cũng có những khi mọi người cùng nhau hát, chơi thể thao... Ngoài ra, cũng có khi cùng nhau dọn vệ sinh trường học.

Sẽ có đủ thứ giấy thông báo khác nhau từ PTA nên xin quý vị lưu ý.

ぴーていー えー かつ どう

P T A 活動



ほ ご しゃ ほ ご しゃ とも
・保護者と 保護者が 友だちに なれる。

こ がっこう
・子どもの 学校のことが よく わかる。

さん か
・参加できない ときは、

たん にん せんせい そうだん
担任の 先生に 相談する。



* 4-7

PTA活動の中で、保護者と保護者が友達になれることもありますし、子どもの学校の様子がよくわかることもあります。ぜひ、積極的にやってみてください。

でも、仕事を休めないなどの理由で、どうしてもPTAの仕事ができないときは、担任の先生に相談してください。

Thông qua các hoạt động của PTA, cũng có thể các phụ huynh trở nên bạn bè với nhau, đồng thời cũng nắm rõ hơn tình trạng của con em mình ở trường... Nên xin quý vị hãy tham gia một cách tích cực. Tuy nhiên, cũng đôi khi không thể làm công việc của PTA được vì những lý do như không thể nghỉ làm... Lúc đó, xin phụ huynh hãy bàn với giáo viên chủ nhiệm.

ほけん
保険 bảo hiểm



にほんすぽーつしんこうせんたー
日本スポーツ振興センター
Trung tâm chấn hưng thể thao Nhật Bản

「さいがい きょうさい きゅうふ」
「災害 共済 給付」
Trợ cấp cộng tế khi gặp tai nạn

* 4-8

次に、子どもの教育環境をよくするための制度を、紹介します。

Kế tiếp, xin giới thiệu về các chế độ để làm cho môi trường giáo dục được tốt hơn.

* 4-9

まず、学校で、けがをした時の保険です。

日本スポーツ振興センターという団体の「災害共済給付」といいます。

Đầu tiên là bảo hiểm khi bị thương ở trường.





Đây là “Trợ cấp cộng tế khi gặp tai nạn” của một tổ chức có tên là Trung tâm chấn hưng thể thao Nhật Bản.

がっこう
 ・学校で けがをしたときの 保険

びょういん かね かえ
 ・病院の お金が あとで 返ってくる

ひょう えん 500
 ・費用 : 500円くらい

もう こ かにゆうどうい しょ がっこう だ
 ・申し込み : 加入同意書を 学校に出す

* 4-10

子どもが学校へ行く道や学校の中などでけがなどをして、病院へ行ったとき、病院に払ったお金があとから返ってきます。とても大切な保険なので、全部の子どもが入ります。

Khi trẻ em bị thương trên đường đi đến trường hoặc bị thương trong trường và đi bệnh viện chữa, số tiền mà mình đã trả cho bệnh viện sẽ được trả lại. Đây là bảo hiểm rất quan trọng nên tất cả các học sinh đều gia nhập.

* 4-11

お金はだいたい1年間に500円くらいです。この保険に入るときは、学校が加入同意書をくれるので、名前を書いて、はんこを押して、先生に出してください。

Tiền đóng bảo hiểm đại khái khoảng 500 yên / 1 năm. Khi gia nhập bảo hiểm này, nhà trường sẽ đưa cho quý vị giấy đồng ý gia nhập, xin hãy viết tên, đóng dấu và nộp cho giáo viên.

しゅうがく えんじょ せいど
就学 援助 制度

(chế độ trợ cấp chi phí đi học)

がっこうせいかつ かね えんじょ
学校生活のための お金の援助



がくようひん きゅうしょくひ えんそく こうつう ひ
学用品・ 給食費・ 遠足の交通費など



くわ がっこう き
★詳しいことは 学校に 聞いてください。

* 4-12

次は、就学援助制度です。日本の公立の小学校・中学校は、授業料や教科書代は無料です。でも、教科書以外の教材（ノートや問題集など）や給食、遠足、体操服などは保護者がお金を払わなければなりません。そのお金は、1か月に1回、銀行を通して払ったり、直接、学校に払ったりします。

Kế tiếp là chế độ trợ cấp chi phí đi học. Trường tiểu học và trung học cơ sở công lập của Nhật thì đều miễn phí.

Tuy nhiên, những tài liệu học ngoài sách giáo khoa (ví dụ như tập vở hay sách bài tập...), cơm trưa, phí đi tham quan dã ngoại, đồ thể dục... thì phụ huynh phải trả tiền.

Số tiền này thì mỗi tháng 1 lần trả qua ngân hàng, hoặc trực tiếp trả cho nhà trường.

* 4-13

しかし、これらのお金を払うのが難しい家庭のために、学校生活に必要なお金を援助してもらえる制度があります。これが「就学援助制度」です。この制度を使いたいときは、学校に相談してください。

Thế nhưng, có chế độ hỗ trợ tiền cần thiết cho sinh hoạt trong trường cho những gia đình gặp khó khăn về việc trả số tiền này. Chế độ này được gọi là “Chế độ hỗ trợ việc đi học”.

Xin quý vị hãy trao đổi với nhà trường khi muốn sử dụng chế độ này.

がく どう ほ いく がく どう く ら ぶ

学童 保育/学童 クラブ

(giữ trẻ em/câu lạc bộ học sinh nhi đồng)

ひる ま ほ ご しゃ いえ か てい こ
昼間、保護者が 家 にはいない 家庭の 子ども

ば しょ もう こ ほうほう
☆場所や 申し込み方法は

がっ こう き
学校に 聞いてください。



* 4-14

次は、学童保育です。学童クラブということもあります。
学童クラブは、保護者の仕事などで、学校が終わったあと、家に大人がいない子どもたちが安全に過ごせるところです。
塾ではないので、勉強は教えません。

Kế tiếp là chế độ giữ học sinh nhi đồng. Cũng có khi còn gọi là câu lạc bộ học sinh nhi đồng. Câu lạc bộ học sinh nhi đồng là nơi giữ cho trẻ em mà không có người lớn ở nhà sinh hoạt một cách an toàn sau khi tan trường. Đây không phải là lớp học thêm nên không dạy học.

* 4-15

学童クラブの場所や申し込み方法がわからない場合は、学校に「学童クラブに入りたいですが、申し込み方法を教えてください。」と伝えてください。

Trong trường hợp quý vị không biết chỗ của câu lạc bộ học sinh nhi đồng hoặc cách đăng ký xin vô, hãy truyền đạt với nhà trường là: “Tôi muốn cho con vào câu lạc bộ học sinh nhi đồng, xin hãy chỉ cho tôi cách đăng ký xin vô”.

さいご
最後に

こま そうだん
◎困ったら、だれかに 相談してください。

がっこう し
◎学校からの お知らせ
かなら よ
必ず 読んでください。



* 4-16

習慣や言葉がちがう国で、子どもを育てるのは、とても大変なことだと思います。困ったときに、大切なことは、一人で悩まないことです。かならず、だれかに相談してください。わからないことを、「わからない」と言うことも、とても大切です。

Tôi nghĩ rằng ở một đất nước mà khác lạ về tập quán và ngôn ngữ thì việc nuôi dạy con là vô cùng cực khổ. Điều quan trọng là khi gặp khó khăn, đừng lo âu một mình mà hãy bàn bạc trao đổi với một ai đó. Khi không hiểu, việc nói “Tôi không hiểu” cũng rất quan trọng.

* 4-17

学校は子どもの生活の中心です。大切な子どもさんが安心して生活できるためには、保護者が学校のことをよく知っていることも大切です。学校からのお知らせの紙は、必ず、読んでください。

Trường học luôn lấy sinh hoạt của trẻ em làm trọng tâm. Để đưa con quý trọng của mình có thể an tâm sinh hoạt trong trường thì việc phụ huynh biết rõ về mọi chuyện trong trường là vô cùng quan trọng. Những giấy tờ thông báo từ nhà trường thì xin phụ huynh nhất định hãy đọc.

にほん たの がっこうせいかつ
日本で 楽しい 学校生活が
できる ことを ^{ねが}願っています！



* 4-18

わたしたちは、みなさんが、日本で安心して楽しく生活できることを心から願っています。これで、説明を終わります。ありがとうございました。

Từ thâm tâm, chúng tôi luôn cầu mong cho quý vị có thể an tâm sống vui vẻ ở Nhật.

Buổi giải thích đến đây là kết thúc. Xin chân thành cảm ơn quý vị.